

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-PT
Ngày 17-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1976 tại Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị N; sống như vợ chồng với Trương Thị H, có hai người con lớn sinh năm 1995 nhỏ sinh năm 2000; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo tại ngoại.

Đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Lê Thị N (mẹ bị cáo), sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Công H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P và chị Trương Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do phát sinh mâu thuẫn nên Nguyễn Văn P và chị H sống ly thân, chị H đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh và có quen

biết với anh Trần Quang L. Ngày 08/6/2017, chị H và anh L về nhà và nghỉ qua đêm tại nhà ông Trương Văn T (là cha ruột chị H) ở ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/6/2017, Nguyễn Văn P đến nhà ông Trương Văn T thì thấy chị H và anh L đang nấu ăn dưới nhà bếp, P cho rằng chị H và anh L có quan hệ bất chính nên bị cáo lấy con dao để sẵn trên ghế bàn tròn ở nhà bếp chém nhiều nhất trúng vào tay trái, vai trái của anh L gây thương tích.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao có lưỡi bằng kim loại dài 26cm, nơi rộng nhất 5,5cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 14cm của ông Trương Văn T và 01 áo sơ mi màu trắng, tay dài của Nguyễn Văn P.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 179-717/TgT ngày 21/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre đã kết luận về thương tích của anh Trần Quang L như sau: vết thương mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái; gãy hờ hai xương cẳng tay trái, đứt toàn bộ gân duỗi, đứt nhánh nông thần kinh quay; H vết thương lành, sẹo kích thước 15cm x 0,3cm, bàn tay gấp duỗi chưa được, các ngón tay gấp duỗi chưa được, tê toàn bộ mu bàn tay trái. Vết thương mặt trước 1/3 trên cánh tay trái đã lành, sẹo kích thước 13cm x 0,2cm. Vết thương mặt trước – ngoài 1/3 trên cánh tay trái đã lành, sẹo kích thước 11cm x 0,2cm. Vết thương bờ vai trái đã lành, sẹo kích thước 07cm x 0,3cm, cánh tay trái đưa lên còn hạn chế. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Trần Quang L là 28%.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 487/KL-VPYTW ngày 09/11/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận đối với Nguyễn Văn P:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và H nay đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn/động kinh (F07.8/G40-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và H nay đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 19-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn ghi nhận về phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/5/2018, bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Kiểm sát viên cho rằng bị cáo kháng cáo trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm

nhẹ mới làm cơ sở giảm nhẹ hình phạt tù. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng không tranh luận về tội danh, xét về hành vi thì chị H (vợ bị cáo) có quan hệ bất chính (quan hệ trai gái) làm bị cáo nghi ngờ nên gây thương tích anh L, về hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nhưng bị cáo có ý định ở tương lai là bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, theo các tình tiết giảm nhẹ điểm q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/6/2017, Nguyễn Văn P đến nhà ông Trương Văn T thì thấy chị Trương Ngọc H và anh Trần Quang L đang nấu ăn dưới nhà bếp, P cho rằng chị H và anh L có quan hệ bất chính nên P lấy con dao có lưỡi bằng kim loại dài 26cm, nơi rộng nhất 5,5cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 14cm của ông Trương Văn T để sẵn trên ghế bàn tròn ở nhà bếp chém nhiều nhất trúng vào tay trái, vai trái của anh L gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 28%.

[2] Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” là có cơ sở phù hợp luật định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; bị cáo đầu thú; bị cáo có cha ruột là người có công cách mạng, có chú ruột là Liệt sỹ; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù và đưa ra các tình tiết cho rằng bị hại L có lỗi làm bị cáo bị kích động nên gây thương tích cho bị hại L;

bị cáo chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; cha bị cáo có công cách mạng, có chú là Liệt sĩ; hoàn cảnh thuộc hộ nghèo. Thấy rằng, giữa bị cáo và chị H đã ly thân hơn 01 năm và không còn sống chung, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có viết đơn xin ly hôn đề ngày 03/02/2017 do bị cáo và chị H ký đơn (BL 24), bị cáo biết từ thông tin bên ngoài (BL 465) là chị H có dẫn bạn về nhà nên bị cáo tìm đến nhà ông T dẫn đến bị cáo dùng dao chém bị hại L, phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn Lãng E là vào khoảng 10 giờ ngày 09/6/2017 tôi đang ở nhà tôi, thì P chạy xe đạp đến nhà, tôi thấy trên tay và áo P dính nhiều máu, thấy vậy tôi mới hỏi, P trả lời “Cháu cậu, ... nó dẫn ghê về nhà, con mới chém nó” (BL 322). Bị cáo cho rằng có cự cãi với L rồi mới chém L, tuy nhiên theo lời khai của ông T, em Nguyễn Thị Cẩm P1 (con bị cáo) thì không nghe cãi nhau, còn chị H khai không thấy P chém L, khi nghe L la lên chị mới nhìn qua thấy L bị chém (BL 234). Mặc khác, theo lời khai của bị hại L, em Phụng, chị H thì anh L và chị H đứng cách nhau khoảng 1,5 mét. Như vậy, bị cáo không có cãi nhau với L mà khi vào thì thấy có dao trên bàn và đến lấy chém L. Bị hại không thực H hành động gì để làm cho bị cáo bị kích động, nên tình tiết này không có cơ sở chấp nhận mà do bị cáo ghen nên bị cáo dùng dao chém bị hại L; các tình tiết khác bị cáo đưa ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Đối với tình tiết bị cáo cho rằng cáo trạng ghi sai ngày giám định, tuy nhiên đã được bản án sơ thẩm ghi trong bản án đúng ngày giám định theo hồ sơ giám định. Như vậy, khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định đối với bị cáo là đã có xem xét cho bị cáo nên được giữ nguyên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Về án phí, bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn P được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ

ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- Công an và VKSND huyện M (2b)
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày N (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B – Mỏ Cày N (1b);
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh